

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên họp: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1978.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

2. Chị **Trịnh Thị Thanh B**, sinh năm 1979.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cư trú tại: Phòng số 302, thị trấn Sanko số 43, điểm 5 Sanko Kopo, thành phố Sakado, tỉnh Saitama, Nhật Bản.

Người được chị B ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án: Anh **Nguyễn Thành Q**, sinh năm 1978. ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Anh Q, chị B đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi sinh được hai con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau và không thống nhất trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh chị sống ly thân từ năm 2015. Năm 2016 chị B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không quan tâm và không liên lạc với nhau. Nay, Anh Q, chị B đều xác định tình cảm không còn nên cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Q, chị B xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2009 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 10/01/2014, hiện các con đang ở với Anh Q. Anh, chị thống nhất giao cả hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B tự nguyện không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi chị B đón các con về với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Q tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Trịnh Thị Thanh B hiện đang sinh sống tại Nhật Bản nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Thành Q thay chị giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Anh Q nhất trí nhận sự ủy quyền của chị B. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị B biết, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện công việc anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B không thể trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được nên anh, chị đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của Anh Q, chị B là Nguyễn Ngọc Quỳnh A và Nguyễn Anh Đ1 đều có nguyện vọng được ở với chị B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B. Giao con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh A và Nguyễn Anh Đ1 cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị B tự nguyện không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con

chung. Tạm giao cho Anh Q tiếp tục nuôi dưỡng các con trong thời gian chị B không có mặt tại Việt nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Chị B hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn đề nghị, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền của chị Huyền gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản chứng thực. Do vậy có đủ cơ sở khẳng định ý chí, quan điểm ly hôn của chị B là hoàn toàn tự nguyện. Anh Q và chị B đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Thanh Nghị, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương ngày 11/11/2008, do vậy hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 chị B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay cả 2 anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng thời thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Q và chị B.

[2.2] Về con chung: Anh Q và chị B có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2009 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 10/01/2014. Anh, chị thống nhất giao cả hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, chị B tự nguyện không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Q tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi chị B đón các con về ở với chị. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q, chị B không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của Anh Q tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành Q và chị Trịnh Thị Thanh B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Anh Q, chị B, giao cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 01/11/2009 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 10/01/2014 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu Anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh A và cháu Nguyễn Anh Đ1 cho Anh Q nuôi dưỡng trong thời gian chị B không có mặt tại Việt Nam.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Thành Q tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2020/0004691 ngày 17/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Q đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thị Thu Hiền
(Đã ký)**